

Số: /2025/TT-BNNMT

Hà Nội, ngày tháng năm 2025

THÔNG TƯ

Quy định ghi, nộp báo cáo, nhật ký khai thác thủy sản; kiểm tra tàu cá và giám sát sản lượng thủy sản tại cảng cá; danh sách tàu cá khai thác thủy sản bất hợp pháp; xác nhận nguyên liệu, chứng nhận nguồn gốc thủy sản khai thác

Căn cứ Luật Thủy sản số 18/2017/QH14 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 146/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 35/2025/NĐ-CP ngày 25 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Thủy sản và Kiểm ngư;

Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường ban hành Thông tư quy định ghi, nộp báo cáo, nhật ký khai thác thủy sản; kiểm tra tàu cá và giám sát sản lượng thủy sản tại cảng cá; danh sách tàu cá khai thác thủy sản bất hợp pháp; xác nhận nguyên liệu, chứng nhận nguồn gốc thủy sản khai thác.

Chương I **QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này quy định

1. Chi tiết một số nội dung của Luật Thủy sản năm 2017 gồm:

a) Điểm h khoản 2 Điều 52 (đã được sửa đổi, bổ sung tại điểm e khoản 21 Điều 14 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 Luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường);

b) Khoản 3 Điều 60 (đã được sửa đổi, bổ sung tại điểm e khoản 21 Điều 14 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 Luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường);

c) Khoản 4 Điều 61 (đã được sửa đổi, bổ sung tại điểm e khoản 21 Điều 14 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 Luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường).

2. Về kiểm tra tàu cá và giám sát sản lượng thủy sản tại cảng cá.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Tổ chức, cá nhân có liên quan đến hoạt động đánh bắt nguồn lợi thủy sản, hậu cần đánh bắt nguồn lợi thủy sản; thu mua, chuyển tải, vận chuyển, bốc dỡ, chế biến, xuất nhập khẩu thủy sản từ khai thác; xác nhận nguyên liệu, chứng nhận nguồn gốc thủy sản khai thác, xác nhận cam kết nguyên liệu thủy sản khai thác nhập khẩu để chế biến xuất khẩu vào thị trường có yêu cầu.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Thông tư này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. *Nhật ký khai thác thủy sản* là bản ghi bằng giấy hoặc điện tử ghi lại thông tin hoạt động khai thác trên biển của tàu đánh bắt nguồn lợi thủy sản.

2. *Nhật ký thu mua, chuyển tải* là bản ghi bằng giấy hoặc điện tử ghi lại thông tin quá trình hoạt động thu mua, chuyển tải thủy sản của tàu hậu cần đánh bắt nguồn lợi thủy sản.

3. *Báo cáo khai thác thủy sản* là bản ghi bằng giấy hoặc điện tử ghi lại kết quả hoạt động của tàu đánh bắt nguồn lợi thủy sản hoặc tàu hậu cần đánh bắt nguồn lợi thủy sản có chiều dài lớn nhất từ 6 đến dưới 12 mét cho một chuyến biển.

4. *Xác nhận nguyên liệu thủy sản* là việc xác nhận của cơ quan thẩm quyền đối với nguyên liệu thủy sản có nguồn gốc từ khai thác không vi phạm quy định về khai thác thủy sản bất hợp pháp, không báo cáo và không theo quy định.

5. *Chứng nhận nguồn gốc thủy sản từ khai thác* là việc chứng nhận của cơ quan thẩm quyền đối với lô hàng thủy sản xuất khẩu có nguồn gốc từ khai thác không vi phạm quy định về khai thác thủy sản bất hợp pháp, không báo cáo và không theo quy định.

6. *Xác nhận cam kết nguyên liệu thủy sản nhập khẩu hoặc sản phẩm thủy sản được sản xuất từ nguyên liệu thủy sản nhập khẩu* là việc xác nhận của cơ quan có thẩm quyền đối với lô hàng thủy sản được chế biến từ thủy sản khai thác nhập khẩu không có nguồn gốc từ khai thác thủy sản bất hợp pháp, không báo cáo và không theo quy định.

Điều 4. Quy định chung về thực hiện thủ tục hành chính trong Thông tư này

1. Tổ chức, cá nhân có thể nộp hồ sơ, nhận kết quả giải quyết thủ tục hành chính thông qua các cách thức sau đây:

a) Trực tiếp tại Bộ phận một cửa;

b) Thông qua dịch vụ bưu chính công ích theo quy định của Thủ tướng Chính phủ, qua thuê dịch vụ của doanh nghiệp, cá nhân hoặc qua ủy quyền theo quy định của pháp luật;

c) Trực tuyến tại Cổng Dịch vụ công quốc gia.

2. Hình thức hồ sơ:

a) Trường hợp nộp hồ sơ theo cách thức quy định tại điểm a và điểm b khoản 1 Điều này: Các thành phần hồ sơ là bản gốc hoặc bản chính hoặc bản sao y hoặc bản sao chứng thực;

b) Trường hợp nộp hồ sơ theo cách thức quy định tại điểm c khoản 1 Điều này: Các thành phần hồ sơ là bản gốc được xác lập trên môi trường điện tử hoặc bản gốc, bản chính được scan theo quy định.

3. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

4. Tiếp nhận hồ sơ thủ tục hành chính, phương thức nộp phí, lệ phí và các nghĩa vụ tài chính khác, cách thức trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính thực hiện theo quy định của Chính phủ về việc thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa và Cổng Dịch vụ công quốc gia.

5. Trường hợp hồ sơ là bản bằng chữ nước ngoài phải có bản dịch ra tiếng Việt theo quy định.

6. Tổ chức, cá nhân chịu trách nhiệm về tính hợp pháp của hồ sơ đã nộp.

7. Cơ quan có thẩm quyền giải quyết thủ tục hành chính trả lời ngay tính đầy đủ của hồ sơ đối với trường hợp quy định tại điểm a khoản 1 Điều này; trả lời tính đầy đủ của hồ sơ trong 01 ngày làm việc đối với trường hợp quy định tại điểm b, điểm c khoản 1 Điều này.

Chương II

GHI, NỘP NHẬT KÝ, BÁO CÁO KHAI THÁC THỦY SẢN

Điều 5. Ghi, nộp nhật ký, báo cáo khai thác thủy sản đối với tàu đánh bắt nguồn lợi thủy sản

1. Thuyền trưởng tàu đánh bắt nguồn lợi thủy sản có chiều dài lớn nhất từ 12 mét trở lên hằng ngày phải ghi nhật ký khai thác thủy sản theo Mẫu số 01 Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này; nộp nhật ký khai thác thủy sản cho tổ chức quản lý cảng cá trước thời điểm bốc dỡ thủy sản. Nhật ký khai thác thủy sản được ghi bằng bản giấy có chữ ký của thuyền trưởng hoặc nhật ký điện tử có mã định danh theo từng tàu cá do đơn vị cung cấp thiết bị cài đặt và số thứ tự chuyển biến trong năm tự động cập nhật.

2. Thuyền trưởng tàu đánh bắt nguồn lợi thủy sản có chiều dài lớn nhất từ 06 đến dưới 12 mét ghi báo cáo khai thác thủy sản theo Mẫu số 03 Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này; nộp báo cáo khai thác thủy sản cho tổ chức quản lý cảng cá theo định kỳ 01 tuần/01 lần.

3. Chủ tàu đánh bắt nguồn lợi thủy sản có chiều dài lớn nhất dưới 6 mét trong quá trình khai thác thủy sản nếu bắt gặp hoặc khai thác không chủ ý loài thủy sản nguy cấp, quý, hiếm thì ghi báo cáo theo Mẫu số 03 Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này (trừ thông tin về sản lượng); nộp báo cáo cho chính quyền cấp xã khi có phát sinh trường hợp bắt gặp hoặc khai thác không chủ ý loài thủy sản nguy cấp, quý, hiếm.

4. Nhật ký khai thác thủy sản bản điện tử; xác nhận nguyên liệu thủy sản khai thác bản điện tử theo đúng mẫu quy định được sử dụng làm căn cứ để xác nhận, chứng nhận sản phẩm thủy sản khai thác.

Điều 6. Ghi, nộp nhật ký, báo cáo khai thác thủy sản đối với tàu hậu cần đánh bắt nguồn lợi thủy sản

1. Thuyền trưởng tàu thu mua, chuyển tải thủy sản hằng ngày phải ghi nhật ký thu mua, chuyển tải thủy sản theo Mẫu số 02 Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này; nộp nhật ký thu mua, chuyển tải thủy sản cho tổ chức quản lý cảng cá trước thời điểm bốc dỡ thủy sản. Nhật ký thu mua, chuyển tải thủy sản được ghi bằng bản giấy có chữ ký của thuyền trưởng hoặc nhật ký điện tử có mã định danh theo từng tàu cá do đơn vị cung cấp thiết bị cài đặt và số thứ tự chuyển biến trong năm tự động cập nhật.

2. Thuyền trưởng tàu thăm dò, tìm kiếm, dẫn dụ nguồn lợi thủy sản ghi báo cáo thăm dò, tìm kiếm, dẫn dụ nguồn lợi thủy sản theo Mẫu số 04 Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này; nộp báo cáo thăm dò, tìm kiếm, dẫn dụ nguồn lợi thủy sản cho tổ chức quản lý cảng cá trong thời hạn 24 giờ sau khi tàu cập cảng.

3. Nhật ký thu mua, chuyển tải thủy sản bản điện tử, Giấy xác nhận nguyên liệu thủy sản khai thác bản điện tử theo đúng mẫu quy định được sử dụng làm căn cứ để xác nhận, chứng nhận sản phẩm thủy sản khai thác.

Chương III

KIỂM TRA TÀU CÁ VÀ GIÁM SÁT SẢN LƯỢNG THỦY SẢN TẠI CẢNG CÁ, DANH SÁCH TÀU CÁ KHAI THÁC THỦY SẢN BẤT HỢP PHÁP, KHÔNG BÁO CÁO VÀ KHÔNG THEO QUY ĐỊNH

Điều 7. Kiểm tra tàu cá và giám sát sản lượng thủy sản tại cảng cá

1. Cơ quan thực hiện

- a) Sở Nông nghiệp và Môi trường tổ chức kiểm tra tàu cá tại cảng cá;
- b) Tổ chức quản lý cảng cá giám sát việc bốc dỡ thủy sản qua cảng; bố trí văn phòng làm việc, phối hợp thực hiện kiểm tra tàu cá tại cảng cá.

2. Giám sát việc bốc dỡ thủy sản qua cảng

Khi nhận được đề nghị cập cảng của thuyền trưởng tàu cá, tổ chức quản lý cảng cá đối chiếu với danh sách tàu cá khai thác thủy sản bất hợp pháp và danh sách tàu cá có nguy cơ vi phạm khai thác thủy sản bất hợp pháp; trường hợp tàu cá nằm trong danh sách tàu cá khai thác thủy sản bất hợp pháp thì không cho bốc dỡ thủy sản và thông báo cho cơ quan chức năng xử lý theo quy định; trường hợp tàu cá nằm trong danh sách tàu cá có nguy cơ cao vi phạm khai thác thủy sản bất hợp pháp thì bố trí cho tàu cá cập cảng và thông báo cho cơ quan chức năng kiểm tra, xử lý theo quy định; trường hợp không nằm trong danh sách tàu cá khai thác

thủy sản bất hợp pháp thì bố trí cho tàu cá cập cảng bốc dỡ thủy sản và cử cán bộ giám sát sản lượng, thành phần loài thủy sản bốc dỡ qua cảng.

Trường hợp phát hiện tổng sản lượng thủy sản bốc dỡ thực tế sai lệch 20% so với sản lượng khai báo trước khi cập cảng thì lập biên bản, xử lý theo thẩm quyền hoặc bàn giao cho cơ quan có thẩm quyền xử lý theo quy định.

3. Biên nhận sản phẩm thủy sản khai thác bốc dỡ

Theo đề nghị của tổ chức, cá nhân thu mua thủy sản, tổ chức quản lý cảng cá kiểm tra thông tin khai trên Giấy biên nhận sản phẩm thủy sản khai thác bốc dỡ theo Mẫu số 01 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này, xác nhận khi các thông tin đúng với thực tế tàu cá cập cảng bốc dỡ thủy sản; lưu bản sao chụp tại tổ chức quản lý cảng cá. Tổ chức, cá nhân thu mua thủy sản từ mỗi tàu cá cập cảng được cấp 01 giấy biên nhận sản phẩm thủy sản khai thác bốc dỡ theo đúng khối lượng, thành phần loài đã thu mua.

4. Kiểm tra đối với tàu cá cập cảng

a) Đối tượng kiểm tra: Tàu cá có chiều dài lớn nhất từ 24 mét trở lên; tàu cá có chiều dài lớn nhất dưới 24 mét kiểm tra tối thiểu 20% đối với tàu làm nghề khai thác cá ngừ, tối thiểu 10% đối với tàu làm nghề lưới kéo, tối thiểu 05% đối với tàu làm nghề khác trên tổng số tàu cá cập cảng bốc dỡ thủy sản trong tháng; tàu cá có dấu hiệu vi phạm quy định về khai thác thủy sản bất hợp pháp, không báo cáo và không theo quy định;

b) Nội dung kiểm tra: Kiểm tra thông tin được ghi trong Nhật ký khai thác thủy sản hoặc Nhật ký thu mua, chuyển tải thủy sản với sản lượng, thành phần loài thủy sản trên tàu cá, phù hợp với loại nghề khai thác; đối chiếu tên, số đăng ký tàu cá với danh sách tàu cá khai thác thủy sản bất hợp pháp do Bộ Nông nghiệp và Môi trường công bố;

c) Biên bản kiểm tra tàu cá cập cảng theo Mẫu số 02 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này.

5. Kiểm tra đối với tàu cá rời cảng

a) Đối tượng kiểm tra: Tàu cá có chiều dài lớn nhất từ 24 mét trở lên; tàu cá có chiều dài lớn nhất dưới 24 mét kiểm tra tối thiểu 20% đối với tàu làm nghề khai thác cá ngừ, tối thiểu 10% đối với tàu làm nghề lưới kéo, tối thiểu 05% đối với tàu làm nghề khai thác khác trên tổng số tàu cá rời cảng đi khai thác trong tháng;

b) Nội dung kiểm tra

Kiểm tra, đối chiếu tên, số đăng ký tàu cá với danh sách tàu cá khai thác thủy sản bất hợp pháp do Bộ Nông nghiệp và Môi trường công bố;

Kiểm tra hồ sơ: Giấy chứng nhận đăng ký tàu cá; Giấy phép khai thác thủy sản; Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật tàu cá; Giấy chứng nhận cơ sở an toàn thực phẩm (đối với tàu áp dụng), Nhật ký khai thác thủy sản, nhật ký thu mua, chuyển

tải (theo mẫu); các văn bằng, chứng chỉ thuyền trưởng, máy trưởng, thợ máy; Sổ danh bạ thuyền viên;

Kiểm tra thực tế trên tàu: Trang thiết bị hàng hải, cứu sinh, cứu hỏa; hệ thống thông tin liên lạc, tín hiệu; thiết bị giám sát hành trình; ngư cụ; thuyền viên; đánh dấu tàu cá;

c) Biên bản kiểm tra tàu cá rời cảng theo Mẫu số 03 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này.

6. Trường hợp phát hiện vi phạm, cơ quan kiểm tra lập biên bản, xử lý theo thẩm quyền hoặc bàn giao cho cơ quan chức năng xử lý theo quy định.

Điều 8. Danh sách tàu cá khai thác thủy sản bất hợp pháp, không báo cáo và không theo quy định (Danh sách tàu cá IUU)

1. Tàu cá bị đưa vào danh sách tàu cá IUU khi thuộc một trong các trường hợp sau:

a) Tàu cá vi phạm vùng biển nước ngoài bị cơ quan có thẩm quyền nước ngoài bắt giữ, thông báo cho cơ quan có thẩm quyền phía Việt Nam, trừ trường hợp quy định tại điểm a khoản 2 Điều này;

b) Tàu cá vi phạm vùng biển nước ngoài bị bắt giữ nhưng được trả về hoặc tàu cá bị cơ quan thẩm quyền Việt Nam xử phạt vi phạm hành chính về hành vi khai thác trái phép tại vùng biển của quốc gia, vùng lãnh thổ khác mà chưa thi hành xong quyết định xử phạt;

c) Tàu cá bị cơ quan có thẩm quyền xử phạt về một trong các hành vi sau: khai thác thủy sản tại vùng biển của quốc gia, vùng lãnh thổ khác hoặc vùng biển thuộc quyền quản lý của tổ chức nghề cá khu vực mà không có giấy phép hoặc giấy phép hết hạn hoặc không có giấy chấp thuận hoặc giấy chấp thuận hết hạn; vi phạm quy định về quản lý và bảo tồn nguồn lợi thủy sản như không ghi nhật ký khai thác thủy sản hoặc ghi không chính xác so với yêu cầu của tổ chức nghề cá khu vực hoặc báo cáo sai một cách nghiêm trọng; khai thác thủy sản không theo quy định về khai thác, bảo vệ nguồn lợi thủy sản trong vùng biển quốc tế không thuộc thẩm quyền quản lý của tổ chức nghề cá khu vực.

2. Tàu cá được đưa ra khỏi danh sách tàu cá IUU khi thuộc một trong các trường hợp sau:

a) Tàu cá vi phạm vùng biển nước ngoài bị cơ quan có thẩm quyền nước ngoài phá hủy;

b) Tàu cá đã xóa đăng ký theo quy định của pháp luật;

c) Đã thi hành xong quyết định xử phạt vi phạm hành chính;

d) Có bằng chứng chứng minh tàu cá không vi phạm.

3. Đăng tải danh sách tàu cá IUU

a) Hằng tuần, căn cứ thông báo bởi cơ quan thẩm quyền nước ngoài, cơ quan ngoại giao Việt Nam tại nước ngoài, Bộ Ngoại giao, Bộ Quốc phòng, Ủy

ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Cục Thủy sản và Kiểm ngư lập danh sách tàu cá có dấu hiệu vi phạm quy định tại điểm a khoản 1 Điều này gửi Cơ quan quản lý nhà nước về thủy sản cấp tỉnh để chủ trì, phối hợp các cơ quan liên quan xác minh. Trường hợp có đủ căn cứ chứng minh tàu cá vi phạm điểm a khoản 1 Điều này hoặc quá thời hạn 20 ngày làm việc kể từ ngày gửi thông báo mà Cơ quan quản lý nhà nước về thủy sản cấp tỉnh không có ý kiến trả lời thì Cơ quan quản lý nhà nước về thủy sản thuộc Bộ Nông nghiệp và Môi trường đưa tàu cá vào danh sách tàu cá IUU;

b) Hằng tuần, Cơ quan quản lý nhà nước về thủy sản cấp tỉnh tổng hợp danh sách tàu cá bị xử phạt và tàu cá đã thi hành xong quyết định xử phạt theo khoản 1 Điều này, gửi Cơ quan quản lý nhà nước về thủy sản thuộc Bộ Nông nghiệp và Môi trường để tổng hợp, đưa vào, đưa ra khỏi danh sách tàu cá khai thác thủy sản bất hợp pháp và đăng tải trên trang thông tin điện tử.

Điều 9. Danh sách tàu cá có nguy cơ cao vi phạm về khai thác thủy sản bất hợp pháp không báo cáo và không theo quy định (Danh sách tàu cá nguy cơ cao vi phạm IUU)

1. Tàu cá đưa vào danh sách tàu cá có nguy cơ cao vi phạm quy định khai thác thủy sản bất hợp pháp thuộc một trong các trường hợp sau:

a) Tàu cá không có Giấy phép khai thác thủy sản; hoặc Giấy phép hết hạn từ 10 ngày trở lên nhưng không đi khai thác thủy sản;

b) Tàu cá không duy trì tín hiệu giám sát hành trình khi hoạt động trên biển từ 06 giờ trở lên nhưng không báo cáo vị trí theo quy định;

c) Tàu cá vi phạm quy định về khu vực cấm khai thác thủy sản, vùng khai thác thủy sản;

d) Tàu cá vi phạm vùng biển nước ngoài nhưng chưa bị cơ quan có thẩm quyền nước ngoài bắt giữ và được cơ quan có thẩm quyền nước ngoài thông báo cho cơ quan có thẩm quyền phía Việt Nam, trừ trường hợp quy định tại điểm a khoản 2 Điều 8 Thông tư này.

2. Tàu cá đưa ra khỏi danh sách tàu cá có nguy cơ cao vi phạm quy định khai thác thủy sản bất hợp pháp thuộc một trong các trường hợp sau:

a) Tàu cá đã khắc phục điểm a, b khoản 1 Điều này;

b) Đã bị xử phạt vi phạm hành chính về các hành vi quy định tại khoản 1 Điều này.

3. Lập danh sách tàu cá có nguy cơ cao vi phạm IUU

a) Hằng tuần, Cơ quan quản lý nhà nước về thủy sản cấp tỉnh tổng hợp danh sách tàu cá có nguy cơ cao vi phạm IUU của địa phương gửi Cục Thủy sản và Kiểm ngư, các Cơ quan quản lý nhà nước về thủy sản cấp tỉnh có biển khác và các cơ quan chức năng trong tỉnh, thành phố (Tổ chức quản lý cảng cá, Bộ đội Biên phòng) để theo dõi, kiểm tra, xử lý theo quy định;

b) Hằng tuần, Cục Thủy sản và Kiểm ngư rà soát, lập danh sách tàu cá có nguy cơ cao vi phạm về khai thác thủy sản bất hợp pháp được quy định tại khoản 1 Điều này và đăng tải trên trang thông tin điện tử để các cơ quan chức năng tra cứu, theo dõi, kiểm tra, xử lý theo quy định.

4. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm tổ chức giám sát, quản lý tàu cá có nguy cơ cao vi phạm về khai thác thủy sản bất hợp pháp trên địa bàn để bảo đảm tàu cá không cho đi hoạt động khai thác thủy sản.

Chương IV

XÁC NHẬN NGUYÊN LIỆU, CHỨNG NHẬN NGUỒN GỐC THỦY SẢN KHAI THÁC

Điều 10. Thẩm quyền xác nhận nguyên liệu, chứng nhận nguồn gốc thủy sản khai thác

1. Tổ chức quản lý cảng cá được chỉ định xác nhận nguồn gốc nguyên liệu thủy sản từ khai thác thực hiện xác nhận nguyên liệu thủy sản khai thác trong nước về khối lượng, thành phần loài thủy sản, vùng và thời gian khai thác đối với tàu cá bốc dỡ thủy sản tại cảng cá khi có yêu cầu.

2. Cơ quan quản lý thủy sản cấp tỉnh quy định tại Phụ lục IV ban hành kèm theo Thông tư này thực hiện chứng nhận nguồn gốc thủy sản khai thác trong nước không vi phạm quy định về khai thác thủy sản bất hợp pháp, không báo cáo và không theo quy định.

3. Các Trung tâm Chất lượng, Chế biến và Phát triển thị trường vùng thuộc Cục Chất lượng, Chế biến và Phát triển thị trường thực hiện xác nhận cam kết hoặc chứng nhận sản phẩm thủy sản được chế biến từ nguyên liệu thủy sản khai thác nhập khẩu không có nguồn gốc từ khai thác thủy sản bất hợp pháp, không báo cáo và không theo quy định theo yêu cầu của tổ chức nghề cá khu vực hoặc nước nhập khẩu.

Điều 11. Xác nhận nguyên liệu thủy sản khai thác trong nước

1. Hồ sơ đề nghị xác nhận gồm:

a) Giấy xác nhận nguyên liệu thủy sản khai thác theo Mẫu số 01 Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư này đã kê khai đầy đủ thông tin;

b) Giấy biên nhận sản phẩm thủy sản khai thác bốc dỡ được tổ chức quản lý cảng cá cấp.

2. Trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ, tổ chức quản lý cảng cá thẩm định thông tin đề nghị xác nhận về khối lượng, thành phần loài thủy sản bốc dỡ tại cảng với Sổ theo dõi tàu cá cập cảng bốc dỡ thủy sản, vùng và thời gian khai thác với hành trình của tàu trong hệ thống giám sát tàu cá và cấp Giấy xác nhận nguyên liệu thủy sản khai thác theo Mẫu số 01 Phụ lục III

ban hành kèm theo Thông tư này. Trường hợp không cấp giấy xác nhận, tổ chức quản lý cảng cá trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

Trường hợp chưa xác nhận hết khối lượng thủy sản trong giấy biên nhận, tổ chức quản lý cảng cá trả lại bản chính lượng nguyên liệu còn lại cho tổ chức, cá nhân đề nghị. Trường hợp xác nhận hết khối lượng thủy sản, tổ chức quản lý cảng cá thu bản chính giấy biên nhận và lưu hồ sơ.

3. Tổ chức, cá nhân đề nghị xác nhận nộp phí, giá dịch vụ theo quy định.

Điều 12. Cấp, cấp lại Giấy chứng nhận nguồn gốc thủy sản khai thác

1. Thành phần hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận nguồn gốc thủy sản khai thác đối với tàu cá có chiều dài lớn nhất từ 06 mét trở lên

a) Giấy xác nhận nguyên liệu thủy sản khai thác có mô tả nguyên liệu đã sử dụng theo mục B Mẫu số 01 Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư này; trường hợp nguyên liệu thủy sản chưa sử dụng hết, tổ chức, cá nhân đề nghị chứng nhận nộp bản chính Giấy xác nhận nguyên liệu thủy sản khai thác để cơ quan thẩm quyền xác nhận phần nguyên liệu chưa sử dụng. Trường hợp nguyên liệu thủy sản đã sử dụng hết, cơ quan thẩm quyền thu bản chính Giấy xác nhận nguyên liệu thủy sản khai thác và lưu hồ sơ;

b) Giấy chứng nhận nguồn gốc thủy sản khai thác theo Mẫu số 02 Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư này đối với sản phẩm xuất khẩu vào thị trường châu Âu hoặc theo Mẫu số 05 Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư này đối với sản phẩm xuất khẩu vào thị trường các nước thuộc Ủy ban quốc tế về bảo tồn cá ngừ Đại Tây Dương hoặc giấy chứng nhận theo yêu cầu của cơ quan thẩm quyền nước nhập khẩu đã kê khai đầy đủ thông tin hoặc mẫu khác theo yêu cầu của thị trường xuất khẩu;

c) Thông tin bổ sung cho sản phẩm thủy sản được chế biến từ tàu cá Việt Nam theo Mẫu số 03 Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư này;

d) Thông tin vận tải theo Mẫu số 04 Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư này.

2. Thành phần hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận nguồn gốc thủy sản khai thác đối với tàu cá có chiều dài lớn nhất dưới 06 mét

a) Giấy biên nhận sản phẩm thủy sản khai thác bốc dỡ theo Mẫu số 02 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này đã được Ủy ban nhân dân cấp xã nơi tàu đăng ký cấp;

b) Giấy chứng nhận nguồn gốc thủy sản khai thác theo Mẫu số 02 Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư này.

3. Giấy chứng nhận nguồn gốc thủy sản khai thác được cấp lại trong các trường hợp có thay đổi thông tin trong giấy chứng nhận. Hồ sơ đề nghị cấp lại giấy chứng nhận gồm:

a) Đơn đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận nguồn gốc thủy sản khai thác theo Mẫu số 07 Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư này;

b) Giấy chứng nhận nguồn gốc thủy sản khai thác theo Mẫu số 02 Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư này hoặc giấy chứng nhận theo yêu cầu của cơ quan thẩm quyền nước nhập khẩu đã kê khai đầy đủ thông tin.

4. Trình tự, thủ tục thực hiện

Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ, cơ quan có thẩm quyền quy định tại khoản 2 Điều 10 Thông tư này kiểm tra thông tin, thẩm định hồ sơ và thực hiện:

a) Đối với tàu cá có chiều dài lớn nhất từ 06 mét trở lên: Chứng nhận khi thông tin trong Giấy chứng nhận nguồn gốc thủy sản khai thác được kê khai đầy đủ và đúng với thông tin về tàu cá, Giấy phép khai thác thủy sản, Giấy xác nhận nguyên liệu thủy sản khai thác; xác nhận vào mục C của Giấy xác nhận nguyên liệu thủy sản khai thác khi nguyên liệu chưa sử dụng hết, trả lại 01 bộ hồ sơ cho tổ chức, cá nhân đề nghị (bao gồm bản chính Giấy xác nhận nguyên liệu thủy sản khai thác khi nguyên liệu chưa sử dụng hết) và lưu bản sao hồ sơ tại cơ quan thẩm quyền;

b) Đối với tàu cá có chiều dài lớn nhất dưới 06 mét: Chứng nhận khi thông tin trong Giấy chứng nhận nguồn gốc thủy sản khai thác được kê khai đầy đủ và đúng với thông tin về tàu cá, Giấy biên nhận sản phẩm thủy sản khai thác bốc dỡ; xác nhận vào mục B của Giấy biên nhận sản phẩm thủy sản khai thác bốc dỡ theo Mẫu số 02 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này khi nguyên liệu chưa sử dụng hết, trả lại 01 bộ hồ sơ cho tổ chức, cá nhân đề nghị (bao gồm bản chính Giấy biên nhận sản phẩm thủy sản khai thác bốc dỡ khi nguyên liệu chưa dùng hết) và lưu bản sao hồ sơ tại cơ quan thẩm quyền;

c) Không chứng nhận khi thông tin kê khai trong hồ sơ không đúng với thông tin về tàu cá, Giấy phép khai thác thủy sản, Giấy xác nhận nguyên liệu thủy sản khai thác; trường hợp không chứng nhận, cơ quan thẩm quyền trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

5. Tổ chức, cá nhân đề nghị chứng nhận nộp phí và lệ phí theo quy định.

Điều 13. Xác nhận cam kết hoặc chứng nhận sản phẩm thủy sản xuất khẩu có nguồn gốc từ thủy sản khai thác nhập khẩu

1. Hồ sơ đề nghị xác nhận cam kết hoặc chứng nhận sản phẩm thủy sản xuất khẩu có nguồn gốc từ thủy sản khai thác nhập khẩu gồm:

a) Giấy chứng nhận nguồn gốc thủy sản khai thác do cơ quan thẩm quyền của nước có tàu cá mang cờ cấp;

b) Giấy xác nhận cam kết hoặc chứng nhận sản phẩm thủy sản xuất khẩu có nguồn gốc từ thủy sản khai thác nhập khẩu theo Mẫu số 05 hoặc Mẫu số 06

Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư này hoặc giấy khác có nội dung tương đương theo yêu cầu của cơ quan thẩm quyền nước nhập khẩu hoặc tổ chức nghề cá khu vực đã kê khai đầy đủ thông tin;

Tổ chức, cá nhân chịu trách nhiệm về tính chính xác đối với các thông tin cung cấp để phục vụ cho việc xác nhận hoặc chứng nhận thủy sản xuất khẩu được chế biến từ thủy sản khai thác nhập khẩu.

2. Cơ quan quy định tại khoản 3 Điều 10 Thông tư này thực hiện kiểm tra, xác nhận cam kết hoặc chứng nhận sản phẩm thủy sản xuất khẩu có nguồn gốc từ thủy sản khai thác nhập khẩu theo các nội dung sau:

a) Đối chiếu thông tin về tàu đánh bắt nguồn lợi thủy sản và các thông tin khác (quốc gia có tàu mang cờ, khối lượng, chủng loại thủy sản) trong Giấy chứng nhận nguồn gốc thủy sản khai thác do cơ quan thẩm quyền nước xuất khẩu cấp cho lô nguyên liệu nhập khẩu vào Việt Nam;

b) Đối chiếu về khối lượng, chủng loại nguyên liệu thủy sản khai thác nhập khẩu để chế biến xuất khẩu với thông tin về lô hàng nhập khẩu được Cục Thủy sản và Kiểm ngư kiểm tra về nguồn gốc xuất xứ khai thác đáp ứng quy định chống khai thác bất hợp pháp, không báo cáo và không theo quy định khi nhập khẩu vào Việt Nam (nếu có);

c) Đối chiếu về khối lượng, chủng loại nguyên liệu thủy sản khai thác nhập khẩu để chế biến xuất khẩu với hồ sơ thống kê xác nhận cam kết sản phẩm thủy sản xuất khẩu có nguồn gốc từ thủy sản khai thác nhập khẩu và hồ sơ giám sát quá trình sản xuất, chế biến; dữ liệu theo dõi trữ lùì, định mức của sản phẩm tại cơ sở chế biến và mức độ đáp ứng về truy xuất nguồn gốc đối với thủy sản khai thác.

3. Trong thời hạn 02 ngày làm việc, sau khi kết thúc kiểm tra trên hồ sơ, cơ quan quy định tại khoản 3 Điều 10 Thông tư này hoặc tối đa 03 làm việc ngày nếu phải kiểm tra tại hiện trường trong trường hợp có nghi ngờ, thực hiện xác nhận cam kết hoặc chứng nhận sản phẩm thủy sản xuất khẩu có nguồn gốc từ thủy sản khai thác nhập khẩu nếu lô hàng đáp ứng các quy định tại khoản 2 Điều này. Trường hợp không xác nhận cam kết hoặc chứng nhận, cơ quan thẩm quyền trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

Điều 14. Kiểm tra việc thực hiện xác nhận nguyên liệu thủy sản khai thác, chứng nhận nguồn gốc thủy sản khai thác

1. Cơ quan kiểm tra: Cục Thủy sản và Kiểm ngư, Cục Chất lượng, Chế biến và Phát triển thị trường.

2. Đối tượng được kiểm tra: Cơ quan quản lý thủy sản cấp tỉnh; tổ chức quản lý cảng cá được chỉ định có đủ hệ thống xác nhận nguồn gốc thủy sản từ khai thác; cơ sở chế biến, xuất khẩu thủy sản có thực hiện xác nhận nguyên liệu, chứng nhận nguồn gốc thủy sản khai thác.

3. Nội dung kiểm tra:

a) Kiểm tra về trình tự, thủ tục, hồ sơ thực hiện việc xác nhận nguyên liệu thủy sản khai thác, chứng nhận nguồn gốc thủy sản khai thác;

b) Kiểm tra về trình tự, thủ tục, hồ sơ thực hiện việc kiểm tra tàu cá cập cảng, rời cảng và giám sát sản lượng thủy sản bốc dỡ tại cảng cá.

4. Xử lý kết quả kiểm tra: Trong trường hợp phát hiện có vi phạm, tùy theo mức độ vi phạm, cơ quan kiểm tra xử lý theo thẩm quyền hoặc kiến nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý theo quy định; kiến nghị Bộ Nông nghiệp và Môi trường đưa ra khỏi danh sách cảng cá chỉ định đối với những tổ chức quản lý cảng cá không thực hiện đúng quy định về xác nhận nguyên liệu thủy sản từ khai thác gây hậu quả dẫn đến các lô hàng bị trả về hoặc vi phạm có hệ thống quy trình thẩm định xác nhận nguyên liệu, chứng nhận nguồn gốc thủy sản khai thác.

Chương V

TRÁCH NHIỆM VÀ QUYỀN HẠN CỦA TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

Điều 15. Cục Thủy sản và Kiểm ngư

1. Tổ chức thực hiện các nội dung được quy định tại Thông tư này.

2. Tổ chức tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc ghi, nộp nhật ký, báo cáo khai thác thủy sản; công tác kiểm tra, xác nhận nguyên liệu, chứng nhận nguồn gốc thủy sản khai thác, biên nhận sản phẩm thủy sản khai thác đã được bốc dỡ.

3. Tổ chức kiểm tra việc thực hiện xác nhận nguyên liệu, chứng nhận nguồn gốc thủy sản khai thác của các tổ chức, cá nhân liên quan.

4. Chủ trì xử lý vướng mắc liên quan đến việc xác nhận nguyên liệu, chứng nhận nguồn gốc thủy sản khai thác trong nước; phối hợp với các cơ quan có liên quan trao đổi thông tin, xử lý vướng mắc liên quan đến việc xác nhận cam kết hoặc chứng nhận sản phẩm thủy sản xuất khẩu có nguồn gốc từ thủy sản khai thác nhập khẩu.

5. Đăng tải danh sách tàu cá IUU, danh sách tàu cá nguy cơ cao vi phạm IUU trên Trang thông tin điện tử của Cục Thủy sản và Kiểm ngư.

6. Tổng hợp, báo cáo Bộ Nông nghiệp và Môi trường kết quả thực hiện xác nhận nguyên liệu, chứng nhận nguồn gốc thủy sản khai thác.

7. Xây dựng phần mềm truy xuất nguồn gốc thủy sản và quy chế quản lý, sử dụng phần mềm để truy xuất nguồn gốc thủy sản bằng điện tử thống nhất trong toàn quốc.

8. Chia sẻ kết quả kiểm tra về thực hiện quy định chống khai thác bất hợp pháp, không báo cáo và không theo quy định đối với thủy sản nhập khẩu theo quy định của Hiệp định các quốc gia có cảng (PSMA), nhập khẩu qua đường container để chế biến xuất khẩu với Cục Chất lượng, Chế biến và Phát triển thị trường để

phục vụ công tác xác nhận cam kết, chứng nhận sản phẩm thủy sản xuất khẩu có nguồn gốc từ thủy sản khai thác nhập khẩu để chế biến xuất khẩu vào thị trường có yêu cầu.

Điều 16. Cục Chất lượng, Chế biến và Phát triển thị trường

1. Chỉ đạo, tổ chức thực hiện, kiểm tra việc chấp hành các quy định về chống khai thác thủy sản bất hợp pháp, không báo cáo và không theo quy định trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ được giao đối với hàng thủy sản xuất khẩu vào thị trường có yêu cầu; xác nhận cam kết, chứng nhận sản phẩm thủy sản xuất khẩu có nguồn gốc từ thủy sản khai thác nhập khẩu để chế biến xuất khẩu vào thị trường có yêu cầu; kiểm tra hồ sơ truy xuất nguồn gốc nguyên liệu đối với hàng thủy sản xuất khẩu vào thị trường có yêu cầu trong quá trình thực hiện các hoạt động lấy mẫu thẩm tra an toàn thực phẩm, thẩm định và chứng nhận lô hàng thủy sản xuất khẩu.

2. Thống nhất quản lý về chuyên môn, nghiệp vụ; tập huấn, bồi dưỡng cho cán bộ thực hiện công tác kiểm tra, xác nhận cam kết hoặc chứng nhận sản phẩm thủy sản xuất khẩu có nguồn gốc từ thủy sản khai thác nhập khẩu.

3. Chủ trì đàm phán với cơ quan thẩm quyền nước ngoài trong việc hợp tác, trao đổi thông tin, xử lý vướng mắc liên quan đến việc xác nhận cam kết hoặc chứng nhận sản phẩm thủy sản xuất khẩu có nguồn gốc từ thủy sản khai thác nhập khẩu.

4. Chỉ đạo Trung tâm Chất lượng, Chế biến và Phát triển thị trường vùng:

a) Thực hiện việc xác nhận cam kết hoặc chứng nhận sản phẩm thủy sản xuất khẩu có nguồn gốc từ thủy sản khai thác nhập khẩu theo quy định tại Điều 13 Thông tư này;

b) Hướng dẫn chủ hàng nhập khẩu trình tự, thủ tục và nội dung liên quan đến việc xác nhận cam kết hoặc chứng nhận sản phẩm thủy sản xuất khẩu có nguồn gốc từ thủy sản khai thác nhập khẩu theo quy định tại Thông tư này;

c) Lưu trữ hồ sơ xác nhận cam kết hoặc chứng nhận sản phẩm thủy sản xuất khẩu có nguồn gốc từ thủy sản khai thác nhập khẩu trong thời hạn 36 tháng kể từ ngày được xác nhận, chứng nhận;

d) Hàng quý gửi báo cáo kết quả kiểm tra, xác nhận cam kết hoặc chứng nhận sản phẩm thủy sản xuất khẩu có nguồn gốc từ thủy sản khai thác nhập khẩu về Cục Thủy sản và Kiểm ngư để tổng hợp, báo cáo Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

Điều 17. Sở Nông nghiệp và Môi trường các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương

1. Chỉ đạo, tuyên truyền, hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện Thông tư này trên địa bàn được giao quản lý.

2. Tổ chức kiểm tra, kiểm soát tàu cá hoạt động khai thác thủy sản bất hợp pháp tại cảng cá trên địa bàn tỉnh.

3. Tham mưu cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đảm bảo kinh phí, nguồn nhân lực và các điều kiện liên quan cho hoạt động của cơ quan thẩm quyền về kiểm tra tàu cá tại cảng cá, xác nhận nguyên liệu, chứng nhận nguồn gốc thủy sản khai thác.

4. Cập nhật, báo cáo Cục Thủy sản và Kiểm ngư những thay đổi về tổ chức, nhân sự quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 10 Thông tư này (mẫu dấu, chữ ký) để thông báo cho cơ quan thẩm quyền nước ngoài.

5. Hướng dẫn chủ hàng, chủ tàu, thuyền trưởng trình tự, thủ tục và nội dung liên quan đến việc xác nhận nguyên liệu, chứng nhận nguồn gốc thủy sản khai thác theo quy định.

6. Yêu cầu thuyền trưởng, chủ tàu hoặc người đại diện của chủ tàu, chủ hàng cung cấp những thông tin liên quan phục vụ cho việc kiểm tra, xác nhận nguyên liệu, chứng nhận nguồn gốc thủy sản khai thác theo quy định.

7. Cập nhật dữ liệu từ nhật ký, báo cáo khai thác thủy sản vào cơ sở dữ liệu nghề cá quốc gia.

8. Phối hợp với Cục Thủy sản và Kiểm ngư tiếp nhận, xử lý, xác minh thông tin liên quan đến xác nhận nguyên liệu, chứng nhận nguồn gốc thủy sản khai thác theo yêu cầu của cơ quan thẩm quyền nước ngoài.

9. Rà soát, tổng hợp và báo cáo Cục Thủy sản và Kiểm ngư danh sách tàu cá đề nghị đưa vào hoặc đưa ra khỏi danh sách tàu cá khai thác thủy sản bất hợp pháp theo quy định tại khoản 3 Điều 8 Thông tư này.

10. Tổng hợp tình hình khai thác thủy sản từ nhật ký, báo cáo khai thác thủy sản, công tác xác nhận nguyên liệu, chứng nhận nguồn gốc thủy sản khai thác, tàu cá khai thác thủy sản bất hợp pháp gửi về Cục Thủy sản và Kiểm ngư trước ngày 20 hàng tháng hoặc khi có yêu cầu.

11. Báo cáo Cơ quan quản lý nhà nước về thủy sản thuộc Bộ Nông nghiệp và Môi trường về kết quả thực hiện chứng nhận nguồn gốc thủy sản khai thác theo Mẫu số 01 Phụ lục VII, kết quả hoạt động của cảng cá trên địa bàn theo Mẫu số 03 Phụ lục VII ban hành kèm theo Thông tư này; lưu trữ hồ sơ liên quan đến việc chứng nhận nguồn gốc thủy sản khai thác trong thời hạn 60 tháng kể từ ngày chứng nhận.

Điều 18. Tổ chức quản lý cảng cá

1. Cập nhật, báo cáo Cục Thủy sản và Kiểm ngư mẫu dấu và chữ ký của người có thẩm quyền xác nhận nguyên liệu thủy sản khai thác để đăng tải, thông báo trên trang thông tin điện tử của Cục Thủy sản và Kiểm ngư.

2. Tổ chức tập huấn hoặc cử người tham dự các lớp tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ về công tác xác nhận nguyên liệu thủy sản khai thác.

3. Đảm bảo vệ sinh, an toàn thực phẩm tại cảng cá theo quy định.

4. Từ chối cho tàu cá bốc dỡ thủy sản đối với tàu cá nằm trong danh sách tàu cá IUU và thông báo cho cơ quan thẩm quyền xử lý.

5. Hằng ngày ghi chép, cập nhật sản lượng thủy sản bốc dỡ qua cảng theo Mẫu số 02 Phụ lục VII ban hành kèm theo Thông tư này; cập nhật dữ liệu sản lượng, thành phần loài thủy sản bốc dỡ qua cảng vào cơ sở dữ liệu nghề cá quốc gia để làm căn cứ kiểm tra, xác nhận, chứng nhận sản phẩm thủy sản khai thác.

6. Chấp hành việc thanh tra, kiểm tra của cơ quan chức năng về việc xác nhận nguyên liệu thủy sản khai thác, phối hợp với cơ quan chức năng trong việc thanh tra, kiểm tra tàu cá tại cảng cá.

7. Cấp phát mẫu nhật ký, báo cáo khai thác thủy sản cho tổ chức, cá nhân có tàu cá; thu nhật ký, báo cáo khai thác thủy sản; lập danh sách tàu cá đã nộp nhật ký, báo cáo khai thác thủy sản và gửi về cơ quan quản lý thủy sản cấp tỉnh trước ngày 20 hằng tháng; kịp thời cập nhật dữ liệu từ nhật ký, báo cáo khai thác vào cơ sở dữ liệu nghề cá quốc gia để làm căn cứ kiểm tra, xác nhận, chứng nhận sản phẩm thủy sản khai thác.

8. Trước ngày 20 hằng tháng, báo cáo Cơ quan quản lý nhà nước về thủy sản cấp tỉnh để tổng hợp kết quả hoạt động của cảng cá trên địa bàn theo Mẫu số 03 Phụ lục VII ban hành kèm theo Thông tư này; lưu trữ hồ sơ liên quan đến việc cấp Giấy biên nhận sản phẩm thủy sản khai thác bốc dỡ, Giấy xác nhận nguyên liệu thủy sản khai thác trong thời hạn 60 tháng kể từ ngày xác nhận.

Điều 19. Thuyền trưởng, chủ tàu cá

1. In, ghi và nộp nhật ký, báo cáo khai thác thủy sản theo quy định; cung cấp đúng, đầy đủ thông tin ghi trong Giấy xác nhận nguyên liệu thủy sản khai thác, Giấy chứng nhận nguồn gốc thủy sản khai thác cho chủ hàng; ký xác nhận và chịu trách nhiệm về thông tin đã cung cấp.

2. Thông báo cho tổ chức quản lý cảng cá trước khi tàu cập cảng hoặc rời cảng theo quy định; cung cấp thông tin về tàu cá, yêu cầu về dịch vụ, dự kiến sản lượng thủy sản bốc dỡ qua cảng.

3. Thực hiện các hoạt động khai thác thủy sản theo quy định của pháp luật.

4. Chấp hành việc thanh tra, kiểm tra, kiểm soát theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền.

Điều 20. Tổ chức, cá nhân đề nghị xác nhận nguyên liệu thủy sản khai thác, chứng nhận nguồn gốc thủy sản khai thác

1. Cung cấp đúng, đầy đủ thông tin ghi trong Giấy xác nhận nguyên liệu thủy sản khai thác, Giấy chứng nhận nguồn gốc thủy sản khai thác, Giấy xác nhận

cam kết sản phẩm thủy sản xuất khẩu có nguồn gốc từ thủy sản khai thác nhập khẩu; ký xác nhận và chịu trách nhiệm về tính chính xác, xác thực đối với thông tin, hồ sơ đã cung cấp.

2. Lưu trữ đầy đủ hồ sơ để truy xuất nguồn gốc, phân biệt các lô nguyên liệu đã sản xuất, lô nguyên liệu chưa sản xuất, còn đang bảo quản trong kho của cơ sở, đảm bảo cơ sở chỉ tiếp nhận, chế biến nguyên liệu có nguồn gốc hợp pháp. Lưu trữ hồ sơ xác nhận nguyên liệu thủy sản khai thác trong nước, chứng nhận nguồn gốc thủy sản khai thác, xác nhận cam kết hoặc chứng nhận sản phẩm thủy sản xuất khẩu có nguồn gốc từ thủy sản khai thác nhập khẩu trong thời hạn 36 tháng kể từ ngày được xác nhận, chứng nhận. Được lựa chọn một trong các cơ quan thẩm quyền quy định tại Phụ lục IV ban hành kèm theo Thông tư này để nộp hồ sơ đề nghị chứng nhận nguồn gốc thủy sản khai thác.

3. Phối hợp với cơ quan thẩm quyền trong việc cung cấp thông tin, giải trình những vướng mắc theo yêu cầu cơ quan thẩm quyền nước nhập khẩu đối với lô hàng xuất khẩu.

4. Đối với cơ sở chế biến thủy sản khai thác xuất khẩu vào các thị trường có yêu cầu xác nhận, chứng nhận đáp ứng quy định chống khai thác bất hợp pháp, không báo cáo và không theo quy định:

a) Lưu giữ đầy đủ hồ sơ, tài liệu, bằng chứng để chứng minh nguồn gốc thủy sản từ khai thác nhập khẩu vào Việt Nam, nguyên liệu khai thác trong nước được sử dụng để chế biến xuất khẩu vào thị trường có yêu cầu về chống khai thác bất hợp pháp, không báo cáo và không theo quy định;

b) Thiết lập hệ thống truy xuất nguồn gốc thủy sản khai thác theo quy định chống khai thác bất hợp pháp, không báo cáo và không theo quy định đảm bảo truy xuất được các nguồn nguyên liệu, các lô nguyên liệu khác nhau được tiếp nhận, bảo quản, đưa vào chế biến và xuất khẩu; đảm bảo truy xuất được giữa hồ sơ giám sát sản xuất với thực tế hoạt động sản xuất, bảo quản và xuất khẩu.

Chương VI **TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

Điều 21. Điều khoản thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2026.

2. Thông tư thay thế Thông tư số 21/2018/TT-BNNPTNT ngày 15/11/2018 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định ghi, nộp báo cáo, nhật ký khai thác thủy sản; công bố cảng cá chỉ định xác nhận nguồn gốc thủy sản từ khai thác; danh sách tàu cá khai thác thủy sản bất hợp pháp; xác nhận nguyên liệu, chứng nhận nguồn gốc thủy sản khai thác.

3. Thông tư này bãi bỏ:

a) Điều 3 Thông tư số 01/2022/TT-BNNPTNT ngày 18/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung một số Thông tư trong lĩnh vực thủy sản;

b) Điều 1 Thông tư số 05/2025/TT-BNNMT ngày 02/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số Thông tư trong lĩnh vực khai thác thủy sản.

Điều 22. Điều khoản chuyển tiếp

1. Tổ chức, cá nhân đã được cơ quan nhà nước, người có thẩm quyền tiếp nhận hồ sơ để giải quyết theo thủ tục hành chính trước ngày Thông tư này có hiệu lực mà chưa có kết quả giải quyết thủ tục hành chính thì tiếp tục được giải quyết theo quy định của pháp luật tại thời điểm tiếp nhận; trừ trường hợp tổ chức, cá nhân đề nghị thực hiện theo quy định của Thông tư này.

2. Văn bản, giấy phép, giấy xác nhận, giấy chứng nhận là kết quả giải quyết thủ tục hành chính đã được cơ quan, người có thẩm quyền ban hành trước ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành và chưa hết hiệu lực hoặc chưa hết thời hạn thì tiếp tục được áp dụng, sử dụng theo thời hạn ghi trên văn bản, giấy phép, giấy chứng nhận đó cho đến khi hết thời hạn.

Trường hợp tổ chức, cá nhân có nhu cầu được sửa đổi, bổ sung, cấp lại văn bản, giấy xác nhận, giấy chứng nhận thì gửi văn bản đề nghị đến cơ quan, người có thẩm quyền tại Thông tư này giải quyết.

3. Nhật ký khai thác thủy sản, Nhật ký thu mua, chuyển tải thủy sản đã thực hiện trước ngày Thông tư này có hiệu lực được tiếp tục sử dụng làm căn cứ để xác nhận nguyên liệu, chứng nhận nguồn gốc thủy sản khai thác.

Ngày ký khai thác thủy sản điện tử, Nhật ký thu mua, chuyển tải thủy sản điện tử áp dụng từ ngày 01/7/2026 đối với tàu cá có chiều dài từ 24 mét trở lên, từ ngày 01/9/2026 đối với tàu cá có chiều dài từ 15 mét trở lên đến dưới 24 mét; từ ngày 01/01/2027 đối với tàu cá có chiều dài từ 12 mét trở lên đến dưới 15 mét.

4. Giấy biên nhận thủy sản bốc dỡ qua cảng, Giấy xác nhận nguyên liệu thủy sản khai thác, Giấy chứng nhận nguồn gốc thủy sản khai thác, Giấy xác nhận cam kết sản phẩm thủy sản xuất khẩu có nguồn gốc từ thủy sản khai thác nhập khẩu được cấp trước ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành thì được tiếp tục sử dụng cho đến khi hết thời hạn.

5. Hệ thống truy xuất nguồn gốc khai thác thủy sản điện tử áp dụng thực hiện như sau: Tàu cá rời cảng, cập cảng, cấp Giấy biên nhận sản phẩm thủy sản khai thác bốc dỡ áp dụng từ ngày 01/03/2026; Giấy xác nhận nguyên liệu thủy sản khai thác áp dụng từ ngày 01/6/2026; Giấy chứng nhận nguồn gốc thủy sản khai thác áp dụng từ ngày 01/9/2026. Cơ quan có thẩm quyền chỉ cấp bản giấy

trong trường hợp bất khả kháng theo quy định của pháp luật dân sự hoặc theo yêu cầu của tổ chức, cá nhân.

Điều 23. Trách nhiệm thi hành

Trong quá trình thực hiện, nếu có vấn đề phát sinh hoặc vướng mắc, tổ chức, cá nhân kịp thời báo cáo về Cục Thủy sản và Kiểm ngư hoặc Cục Chất lượng, Chế biến và Phát triển thị trường để tổng hợp, báo cáo Bộ Nông nghiệp và Môi trường xem xét, sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.

Nơi nhận:

- Thủ tướng Chính phủ;
- Các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao; Tòa án nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố;
- Sở NN&MT các tỉnh, thành phố;
- Cục Kiểm tra văn bản và Quản lý xử lý vi phạm hành chính, Bộ Tư pháp;
- Bộ Nông nghiệp và Môi trường: Bộ trưởng, các Thứ trưởng;
- Các đơn vị trực thuộc Bộ;
- Công báo; Cổng Thông tin điện tử Chính phủ; Cổng TTĐT Bộ NN&MT;
- Lưu: VT, TSKN.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Phùng Đức Tiến